

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 416/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022 – 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện:

1. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định công bố TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước; phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC theo quy định. Đồng thời, tổ chức tiếp nhận, giải quyết TTHC nội bộ theo đúng thời gian đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại Điều 1 Quyết định này.

2. Các Sở: Tư pháp, Văn hoá và Thể thao, Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ thuộc ngành Tư pháp, Văn hoá và Thể thao, Thông tin và Truyền thông được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm

pháp luật.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật, điều chỉnh thời gian giải quyết TTHC đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại Điều 1 Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC để thực hiện thống nhất, đồng bộ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Văn hoá và Thể thao, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Các Sở: Tư pháp, Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Văn hoá và Thể thao, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh;
- Trung tâm PV HCC, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI
QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
(Kèm theo Quyết định số 3165 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

I. Thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tư pháp (01 TTHC)

a) Thủ tục Tiếp nhận, cập nhật, giải tỏa thông tin ngăn chặn trong phần mềm quản lý công chứng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Mã số 6.000588)

- Nội dung đơn giản hoá:

Giảm thời gian giải quyết từ 24 giờ xuống còn 16 giờ

- Lý do: Rút ngắn thời gian thực hiện, giảm thời gian chờ đợi của tổ chức.

- Kiến nghị thực thi:

+ Sửa đổi Khoản 1, Điều 9 Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 14/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 37.200.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 24.800.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 12.400.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33.33%.

II. Thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Thông tin và Truyền thông (01 TTHC)

a) Thủ tục Cấp mới, thay đổi, thu hồi hộp thư điện tử

- Nội dung đơn giản hoá: Bổ sung biểu mẫu nhằm rõ ràng, minh bạch trong trình tự thực hiện, giúp thuận tiện, nhanh chóng, giảm tối đa chi phí tuân thủ TTHC nội bộ cho cơ quan, tổ chức.

- Lý do: Hiện nay chưa có quy định cụ thể về biểu mẫu Văn bản thông báo đề nghị cấp mới, thay đổi, thu hồi hộp thư điện tử, sẽ gây khó khăn, lúng túng cho các đơn vị thực hiện TTHC nội bộ.

- Kiến nghị thực thi:

+ Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 12 Quyết định số 65/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Quy định sử dụng Hệ thống Thư điện tử công vụ trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đề nghị bổ sung cụm từ "gửi thông báo theo biểu mẫu quy định". Cụ thể bổ sung, chỉnh sửa như sau: "Cơ quan, đơn vị có yêu cầu cấp mới, thay đổi, thu hồi

hộp thư điện tử gửi thông báo theo biểu mẫu quy định tới Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh bằng văn bản hoặc qua Hệ thống Thư điện tử công vụ theo địa chỉ tiếpnhan@thuathienhue.gov.vn để được giải quyết theo quy định."

Bổ sung Biểu mẫu "Thông báo cấp mới, thay đổi, thu hồi hộp thư điện tử" tại phần Phụ lục của Quyết định.

- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 71.308.800 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 53.481.600 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 17.827.200 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

III. Thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Kế hoạch và Đầu tư (11 TTHC)

a) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (6.000614)

- Nội dung đơn giản hoá:

Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 18 ngày

- Lý do: Rút ngắn thời gian thực hiện, giảm thời gian chờ đợi của tổ chức.
- Kiến nghị thực thi: không
- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.960.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.464.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 496.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

b) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu/ phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu (6.000601)

- Nội dung đơn giản hoá:

Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 18 ngày

- Lý do: Rút ngắn thời gian thực hiện, giảm thời gian chờ đợi của tổ chức.
- Kiến nghị thực thi: không
- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.960.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.464.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 496.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

c) Thẩm định chủ trương đầu tư dự án (6.000577)

- Nội dung đơn giản hoá:

Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 18 ngày

- Lý do: Rút ngắn thời gian thực hiện, giảm thời gian chờ đợi của tổ chức.

- Kiến nghị thực thi: không
- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.960.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.464.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 496.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

d) Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu (6.000583)

- Nội dung đơn giản hoá:

Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 18 ngày

- Lý do: Rút ngắn thời gian thực hiện, giảm thời gian chờ đợi của tổ chức.
- Kiến nghị thực thi: không
- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.960.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.464.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 496.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

đ) Thẩm định, phê duyệt (điều chỉnh) chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (6.000520)

- Nội dung đơn giản hoá:

Giảm thời gian giải quyết từ 60 ngày xuống còn 55 ngày

- Lý do: Rút ngắn thời gian thực hiện, giảm thời gian chờ đợi của tổ chức.
- Kiến nghị thực thi: không
- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.880.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.640.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.240.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8.33%.

e) Thẩm định, phê duyệt (điều chỉnh) dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước (Đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng) (6.000523)

- Nội dung đơn giản hoá:

Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 18 ngày

- Lý do: Rút ngắn thời gian thực hiện, giảm thời gian chờ đợi của tổ chức.
- Kiến nghị thực thi: không
- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.960.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.464.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 496.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

g) Thẩm định, phê duyệt (điều chỉnh) dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (đối với dự án có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên) (6.000521)

Nội dung đơn giản hoá:

Giảm thời gian giải quyết từ 45 ngày xuống còn 40 ngày

- Lý do: Rút ngắn thời gian thực hiện, giảm thời gian chờ đợi của tổ chức.
- Kiến nghị thực thi: không
- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.160.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.920.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.240.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11.11%.

h) Thẩm định thiết kế thi công và dự toán (6.000578)

Nội dung đơn giản hoá:

Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 17 ngày

- Lý do: Rút ngắn thời gian thực hiện, giảm thời gian chờ đợi của tổ chức.
- Kiến nghị thực thi: không
- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.960.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.216.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 744.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15%.

i) Thủ tục thẩm định, phê duyệt dự toán quy hoạch (6.000576)

Nội dung đơn giản hoá:

Giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày xuống còn 23 ngày

- Lý do: Rút ngắn thời gian thực hiện, giảm thời gian chờ đợi của tổ chức.
- Kiến nghị thực thi: không
- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.200.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.704.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 496.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8%.

k) Trình phê duyệt dự án (6.000579)

Nội dung đơn giản hoá:

Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 18 ngày

- Lý do: Rút ngắn thời gian thực hiện, giảm thời gian chờ đợi của tổ chức.
- Kiến nghị thực thi: không
- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.960.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.464.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 496.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

l) Trình phê duyệt điều chỉnh dự án, thiết kế thi công và dự toán (6.000582)

Nội dung đơn giản hoá:

Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 18 ngày

- Lý do: Rút ngắn thời gian thực hiện, giảm thời gian chờ đợi của tổ chức.
- Kiến nghị thực thi: không
- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.960.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.464.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 496.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

IV. Thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Công Thương (02 TTHC)

a) Phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh khai thác chợ (6.000599)

Nội dung đơn giản hoá: Bổ sung thêm cách thức thực hiện “Qua dịch vụ bưu chính”

Lý do: Hiện tại chưa có quy định hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.

Kiến nghị thực thi: không

- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.960.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.464.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 496.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

b) Phê duyệt phương án chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh khai thác chợ (6.000597)

Nội dung đơn giản hoá: Bổ sung thêm cách thức thực hiện “Qua dịch vụ bưu chính”

Lý do: Hiện tại chưa có quy định hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.

Kiến nghị thực thi: không

- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.960.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.464.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 496.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

V. Thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02 TTHC)

a) Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM), xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh (6.000531)

Nội dung đơn giản hoá: Bổ sung thêm quy định về cách thức thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian và chi phí đi lại cho tổ chức, đẩy mạnh tiến trình thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Kiến nghị thực thi: Không

- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.018.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.052.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.966.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36.99%.

b) Thủ tục hành chính Công nhận, công bố thôn/bản đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn, thôn/bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh (6.000608)

Nội dung đơn giản hoá: Bổ sung thêm quy định về cách thức thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian và chi phí đi lại cho tổ chức, đẩy mạnh tiến trình thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Kiến nghị thực thi: Không

- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.142.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.547.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 594.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7.3%.

VI. Thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường (01 TTHC)

a) Thu hồi quỹ đất của các Ban quản lý rừng, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp bàn giao cho địa phương (6.000589)

Nội dung đơn giản hoá: Bổ sung “Cách thức thực hiện” nộp hồ sơ trực tuyến

trên Hệ thống thông tin TTHC tỉnh.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian và chi phí đi lại cho tổ chức, đẩy mạnh tiến trình thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Kiến nghị thực thi: Không

- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 155.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 62.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 93.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 60%.

VII. Thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Văn hoá và Thể thao (03 TTHC)

a) Thủ tục đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng nhóm B (theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng) (6.000607)

Nội dung đơn giản hoá: Bổ sung quy định thời gian thụ lý, thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

Lý do: Chưa quy định rõ thời gian thụ lý, thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng theo thẩm quyền của Phòng Văn hóa và Thông tin - Cơ quan Thường trực Tổ Tư vấn cấp huyện nên dẫn đến trường hợp một số đề án bị trình chậm tiến độ.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều a Khoản 2 Điều 17 Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 155.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 62.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 93.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 60%.

b) Thủ tục thông báo tuyên truyền nhiệm vụ chính trị (6.000613)

Nội dung đơn giản hoá:

+ Giảm quy định về thời hạn yêu cầu gửi hồ sơ tuyên truyền nhiệm vụ chính trị đến Sở Văn hóa và Thể thao từ 07 ngày xuống còn 5 ngày trước khi thực hiện tuyên truyền

+ Quy định rõ trong thời gian 03 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các cơ quan, đơn vị), Sở Văn hóa và Thể thao phải có văn bản trả lời, hướng dẫn việc tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của các cơ quan đơn vị.

Lý do: Việc quy định cơ quan, đơn vị, tổ chức có nhu cầu thực hiện tuyên truyền trên màn hình điện tử, bảng tuyên truyền, băng-rôn phải gửi thông báo nội

dung tuyên truyền đến Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế trước khi thực hiện tuyên truyền 07 (bảy) ngày làm việc là chưa hợp lý. Quá trình tiếp nhận hồ thông báo tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cho thấy phần lớn các cơ quan, đơn vị thường chỉ gửi hồ sơ trong khoảng thời gian từ 2 ngày đến 5 ngày.

Theo quy định trên thì những trường hợp này sẽ không được cơ quan quản lý tiếp nhận hồ sơ do vậy không thể thực hiện việc tuyên truyền (trong khi kế hoạch tổ chức các hoạt động đã được phê duyệt); để tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, đơn vị thì cơ quan quản lý nhà nước vẫn phải tiếp nhận hồ sơ của các cơ quan, đơn vị gửi không đúng thời hạn.

Việc quy định trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Văn hóa và Thể thao xác nhận về việc nhận thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì tổ chức, cá nhân được thực hiện tuyên truyền đã thông báo. Trong trường hợp Sở Văn hóa và Thể thao không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do là chưa hợp lý vì thực tế các cơ quan, đơn vị muốn triển khai tuyên truyền thì cần phải có văn bản của Sở Văn hóa và Thể thao trả lời, hướng dẫn về việc tuyên truyền để sử dụng văn bản đó làm việc với các đơn vị quản lý các phương tiện tuyên truyền (đơn vị quản lý trụ điện, quản lý các biển, hiệu tuyên truyền, quảng cáo) thì mới triển khai tuyên truyền được. Và thời hạn đề Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản trả lời có thể rút ngắn từ 5 ngày xuống còn 03 ngày làm việc

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm a, điểm b, Khoản 3, Điều 5, Quyết định số 47/2020/QĐUBND ngày 25/08/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định thực hiện hoạt động tuyên truyền nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh.

- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 460.000.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 276.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 184.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

c) Trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng nhóm A (theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng) (6.000527)

Nội dung đơn giản hoá: Quy định rõ thời gian thụ lý, thẩm định Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng của Sở Văn hóa và Thể thao - cơ quan Thường trực Hội đồng Tư vấn tỉnh (đối với đường, phố và công trình công cộng thuộc thẩm quyền đặt tên, đổi tên của HĐND, UBND tỉnh).

Lý do: Chưa quy định rõ thời gian thụ lý, thẩm định Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng của Sở Văn hóa và Thể thao - cơ quan Thường trực Hội đồng Tư vấn tỉnh (đối với đường, phố và công trình công cộng thuộc thẩm quyền đặt tên, đổi tên của HĐND, UBND tỉnh) nên dẫn đến trường hợp một số đề án bị trình chậm tiến độ.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 1 Điều 17 Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế đặt tên,

đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 460.000.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 276.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 184.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

VIII. Thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp (03 TTHC)

a) Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư công hoàn thành, hạng mục công trình hoàn thành, dự án đầu tư công dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp thiết bị (6.000603)

Nội dung đơn giản hoá: Giảm thời gian giải quyết:

- + Đối với dự án nhóm B: từ 140 ngày xuống còn 135 ngày.
- + Đối với dự án nhóm C: từ 105 ngày xuống còn 100 ngày.
- Lý do: Rút ngắn thời gian thực hiện, giảm thời gian chờ đợi của tổ chức.
- Kiến nghị thực thi: không
- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 29.760.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 28.520.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.240.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4.17%.

b) Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư hoàn thành đối với nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị (6.000604)

Nội dung đơn giản hoá:

Giảm thời gian giải quyết từ 105 ngày xuống còn 100 ngày

- Lý do: Rút ngắn thời gian thực hiện, giảm thời gian chờ đợi của tổ chức.
- Kiến nghị thực thi: không
- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.320.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 21.080.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.240.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5.56%.

c) Thẩm định, phê duyệt (điều chỉnh) kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình (6.000566)

Nội dung đơn giản hoá:

Giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày xuống còn 23 ngày

- Lý do: Rút ngắn thời gian thực hiện, giảm thời gian chờ đợi của tổ chức.
- Kiến nghị thực thi: không
- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.200.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.704.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 496.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8%.

IX. Thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Y tế (01 TTHC)

a) Giải quyết hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế công lập trực thuộc (6.000606)

Nội dung đơn giản hoá:

Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 19 ngày

- Lý do: Rút ngắn thời gian thực hiện, giảm thời gian chờ đợi của tổ chức.
- Kiến nghị thực thi: không
- Lợi ích phương án đơn giản hoá:

Chi phí tuân thủ được tính cho 1 đối tượng thực hiện TTHC/01 năm/01 lần thực hiện như sau:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.960.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.712.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 248.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5%.